| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN LONG HỒ**<br>**TỈNH VĨNH LONG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 37/ 2020/HNGĐ - ST
Ngày: 05- 5- 2020
V/v "tranh chấp ly hôn, nuôi con"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Văn Diện

*Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Nguyễn Văn Trước

2. Ông Trần Văn Hưng

***- Thư ký phiên tòa:*** Nguyễn Thế Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ tham gia phiên toà:*** không tham gia

Trong ngày 05 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 534/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2019 về việc "tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

*1/ Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Ngọc P, sinh năm 1987
HKTT: số 36/3 ấp A, xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long
Tạm trú: ấp C, xã D, Huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long
2/ *Bị đơn*: Anh Phạm Huỳnh Quốc N, sinh năm 1981
Địa chỉ: số 36/3 ấp A, xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Tại đơn khởi kiện ngày 09/10/ 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc P trình bày: Chị và anh N qua quen biết đi đến kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện Long Hồ cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 22/8/2013. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường hay cải nhau. Đến tháng 6/2019 Chị bỏ về nhà mẹ ruột tại ấp C, xã D, Huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long sống cho đến nay. Nay Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Phạm Huỳnh Quốc N

Về con chung: có 02 con chung tên Phạm Huỳnh Bảo K, sinh ngày 01/5/2014 và Phạm Huỳnh Tấn P, sinh ngày 20/9/2017, hiện do anh N đang trực tiếp nuôi dưỡng, khi ly hôn chị yêu cầu giao hai con chung cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: chị cam kết không có nợ chung.

- Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải đúng theo trình tự thủ tục tố tụng nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do dù đã được Tòa án tống đạt thủ tục tố tụng hợp lệ theo quy định của pháp luật và cũng không gửi bản khai ý kiến cho tòa án

* Tại phiên toà hôm nay:

- Nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc P vẫn giữ nguyên ý kiến. Ngoài ra không cung cấp chứng cứ gì thêm.

- Bị đơn anh Phạm Huỳnh Quốc N vắng mặt không lý do.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: tại phiên tòa hôm nay anh Phạm Huỳnh Quốc N vắng mặt không lý do mặt dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 xét xử vắng mặt đối với đương sự trên.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh N tiến đến hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn, phù hợp quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Anh N vắng mặt tại phiên tòa nhưng xét chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của chị P thể hiện Chị và anh N đã không còn sống chung với nhau từ tháng 6/2019 đến nay. Tại Điều 19 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: *"Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc; giúp đở nhau; cùng nhau chia sẽ, thực hiện các công việc gia đình*". Chị và anh N không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau cùng chia sẽ công việc gia đình và Tại Khoản 1 Điều 56 luật hôn nhân gia đình quy định: *"1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được".* Tuy giữa Chị và anh N không có xảy ra tình trạng bạo lực gia đình và cũng không có chứng cứ để chứng minh chị hay anh N có những lời lẽ vi phạm nghiêm trọng quyền nghĩa vụ của bên còn lại nhưng tình trạng hôn nhân của anh, chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng vì anh chị không còn sống chung với nhau gần một năm nay làm cho mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P là có cơ sở.

[3] Về con chung: có 02 con chung tên Phạm Huỳnh Bảo K, sinh ngày 01/5/2014 và Phạm Huỳnh Tấn P, sinh ngày 20/9/2017, hiện đang sống cùng anh N. Qua lời trình bày của chị P thì hiện nay hai cháu được anh N chăm sóc chu đáo về mọi mặt trong khi chị đang gặp khó khăn về kinh kế, không có điều kiện để nuôi con. Đối với cháu Phạm Huỳnh Tấn P, sinh ngày 20/9/2017 tuy chưa đủ 36 tháng tuổi nhưng chị P thống nhất để anh N trực tiếp nuôi dưỡng nên Hội đồng xét

xử chấp nhận yêu cầu của chị P là giao hai con chung cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng là có cơ sở.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh N vắng mặt tại phiên toà và cũng không gửi bản khai ý kiến cho toà án nên không đặt ra giải quyết.

Chị P có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp chị P lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị P. Ngược lại anh N cùng các thành viên gia đình anh không được cản trở chị P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[4] Về tài sản chung: không đặt ra giải quyết; về nợ chung: đương sự khai không có nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: chị Lê Thị Ngọc P phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật, có trừ đi tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Ngọc P và anh Phạm Huỳnh Quốc N

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Phạm Huỳnh Bảo K, sinh ngày 01/5/2014 và Phạm Huỳnh Tấn P, sinh ngày 20/9/2017cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: không đặt ra xem xét giải quyết.

Chị P có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp chị P lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị P. Ngược lại anh N cùng các thành viên gia đình anh không được cản trở chị P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con

3. Về tài sản chung: không đặt ra giải quyết; về nợ chung: đương sự khai không có nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Buộc chị Lê Thị Ngọc P nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), tiền án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0005351 ngày 03/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKS cùng cấp;
- Chi cục THADS HLH;
- Các đương sự;
- UBND xã B;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Văn Diện**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN LONG HỒ**
**TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10 giờ 20 phút, ngày 05 tháng 8 năm 2019
Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Văn Diện
*Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Nguyễn Văn Trước
2. Ông Trần Văn Hưng

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 167/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2019, giữa:

*1/ Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Lùng, sinh năm 1986
HKTT: ấp Phú Thạnh 4, xã Đồng Phú, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long
Tạm trú: Trạm dừng chân Minh Phát 2, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang
2/ *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn Lợi, sinh năm 1984
Địa chỉ: ấp Phú Thạnh 4, xã Đồng Phú, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.*

## HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Lùng và anh Nguyễn Văn Lợi

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Văn Giàu, sinh ngày 13/11/2005 và Nguyễn Văn Tới, sinh ngày 14/5/2011 cho chị Lùng trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: chị Lùng không yêu cầu anh Lợi cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Anh Lợi có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp anh Lợi lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Lùng có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Lợi. Ngược lại chị Lùng cùng các thành viên gia đình Chị không được cản trở anh Lợi trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: không đặt ra giải quyết; về nợ chung: đương sự khai không có nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Lùng nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), tiền án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0002280 ngày 02/4/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ

Kết quả biểu quyết: 3/3

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Diện**